

Số: 08/2024/QĐST-KDTM

H, ngày 13 tháng 6 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC, TỈNH THANH HÓA**

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 10/2024/TLST-KDTM ngày 15 tháng 5 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên M (tên gọi mới Công ty cổ phần M theo Thông báo về việc thay đổi mô hình đăng ký doanh nghiệp, giới thiệu mẫu chữ ký và con dấu của Công ty ngày 19/4/2024).

Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, số I D, D, Cầu G, Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Bùi Công T – Chức vụ: Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Cao Duy T1 – Chức vụ: Trưởng phòng Xử lý nợ Miền bắc.

Theo Văn bản ủy quyền số 161/2024/UQ-MARS ngày 14/03/2024.

Người được ủy quyền lại: Bà **Tống Thị L** – Chuyên viên xử lý nợ

Theo văn bản ủy quyền số 310/2024/UQ – MARS ngày 28/3/2024.

Bị đơn: Bà **Đinh Thị H**, sinh năm 1981

Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1978

Cùng địa chỉ: **Thôn G, xã T, huyện H, tỉnh Thanh Hóa**

Bà **Đinh Thị H** ủy quyền cho ông **Nguyễn Văn Đ** tham gia tố tụng tại Toà án theo giấy ủy quyền ngày 04/6/2024.

## **2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. *Về số tiền nợ:* Các bên thỏa thuận: Tính đến ngày 05/6/2024 bà **Đinh Thị H** và ông **Nguyễn Văn Đ** còn nợ **Công ty cổ phần M** tổng số tiền là: Nợ gốc 712.772.115 đồng; nợ lãi: 204.638.614 đồng. Tổng cộng: 917.410.729 đồng (*Bằng chữ: Chín trăm mười bảy triệu bốn trăm mười nghìn bảy trăm hai mươi chín đồng.*).

2.2. *Về thời hạn trả nợ:* Kể từ thỏa thuận (05/6/2024) đến ngày 05/8/2024 ông **Nguyễn Văn Đ** và bà **Đinh Thị H** có trách nhiệm thanh toán cho **Công ty cổ phần M** toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày 05/6/2024 là nợ gốc 712,772,115 đồng; nợ lãi: 204,638,614 đồng. Tổng cộng: **917,410,729** đồng (*Bằng chữ: Chín trăm mười bảy triệu, bốn trăm mười nghìn, bảy trăm hai mươi chín đồng.*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày thỏa thuận (ngày 06/6/2024) bà **H**, ông **Đ** còn phải tiếp tục chịu lãi suất trên số tiền gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất đã thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết tương ứng với thời gian chậm trả, cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Trường hợp bà **Đinh Thị H** và ông **Nguyễn Văn Đ** không trả nợ toàn bộ số tiền như đã thỏa thuận trên và kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì bên được thi hành án có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đã thế chấp để thanh toán toàn bộ khoản nợ cho **Công ty cổ phần M** và các khoản chi phí phát sinh.

Tài sản thế chấp của bên vay theo biên bản xem xét, thẩm định ngày 30/5/2024 gồm: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 366, tờ bản đồ số 17, tại địa chỉ: **Thôn G, xã T, Huyện H, Thanh Hóa** theo “Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CU513753, Số vào sổ cấp GCN: CH09753 do **Ủy Ban Nhân Dân Huyện H** cấp ngày

28/02/2020 thuộc quyền sử dụng/sở hữu của Ông Nguyễn Văn Đ và bà Đinh Thị H.

Qua xem xét thẩm định hiện trạng đúng như Hợp đồng thế chấp, các bên thống nhất kích thước, tứ cận theo hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không có biến động gì và không đề nghị đo đạc lại.

Nếu tài sản thế chấp kê biên phát mại không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Nguyễn Văn Đ và Đinh Thị H vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi thanh toán hết khoản nợ vay theo Hợp đồng tín dụng.

**3. Về án phí:** Ông Nguyễn Văn Đ và bà Đinh Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 19.761.000 đồng (*Mười chín triệu bảy trăm sáu mươi một nghìn đồng*).

Trả lại cho Công ty cổ phần M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 19.192.000 đồng (*Mười chín triệu một trăm chín mươi hai nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003260 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hậu Lộc.

**4.** *Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**5.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- TAND tỉnh Thanh Hoá
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Hậu Lộc.
- Chi cục THADS H.Hậu Lộc.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lường Thị Hoa**